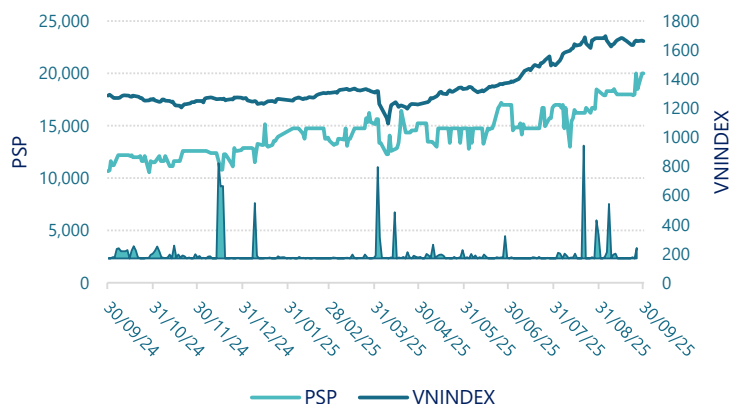


CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (UPCOM: PSP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,548
SL cổ phiếu LH	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,225
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	800
P/E	71.0
EPS	282

DT thuần

Q3/25

71.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.60 | 5.3%

YoY: ▲ 10.8 | 17.8%

LN sau thuế

Q3/25

2.89

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.24 | -7.6%

YoY: ▲ 0.48 | 20.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.9%

+/- YoY: ▼ 1.2%

DT thuần

9T 2025

202

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.0 | 12.2%

LN sau thuế

9T 2025

8.85

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.84 | 47.3%

ROE

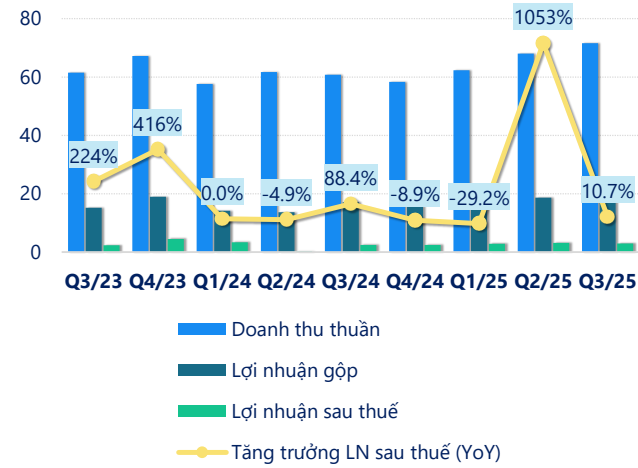
Q3/25

2.5%

+/- YoY: ▲ 0.2%

tỷ VNĐ

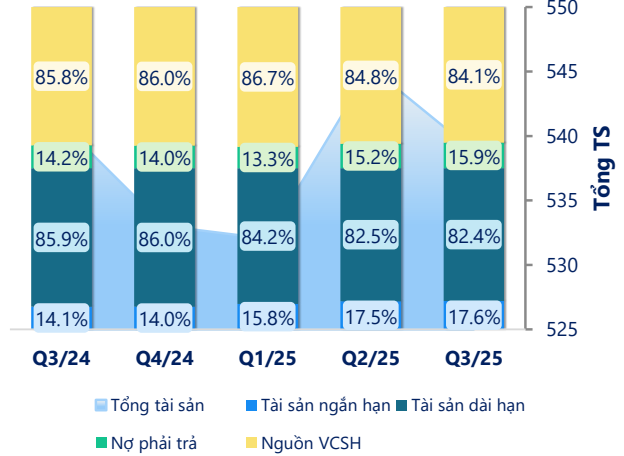
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

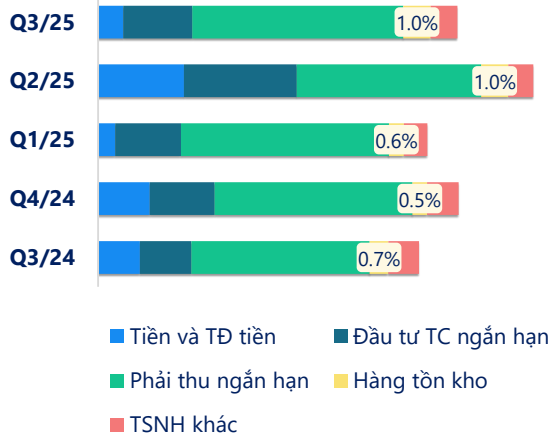
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



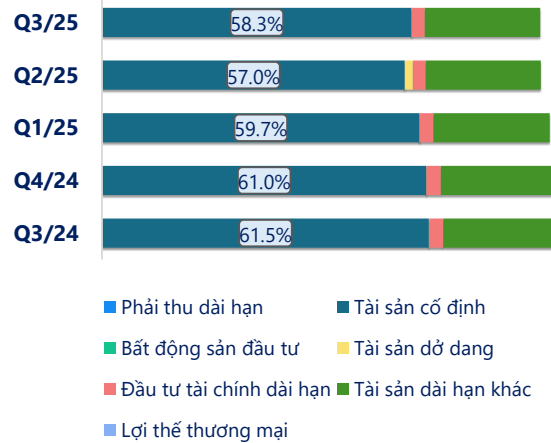
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

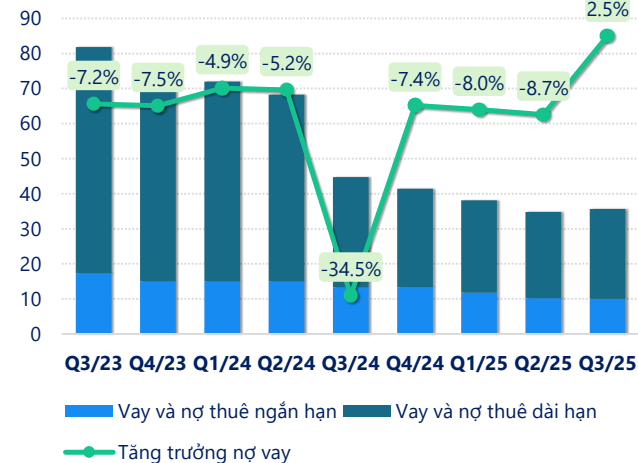
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

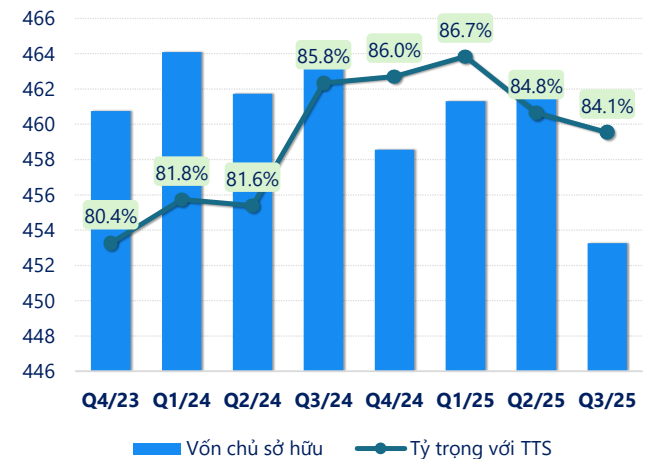
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

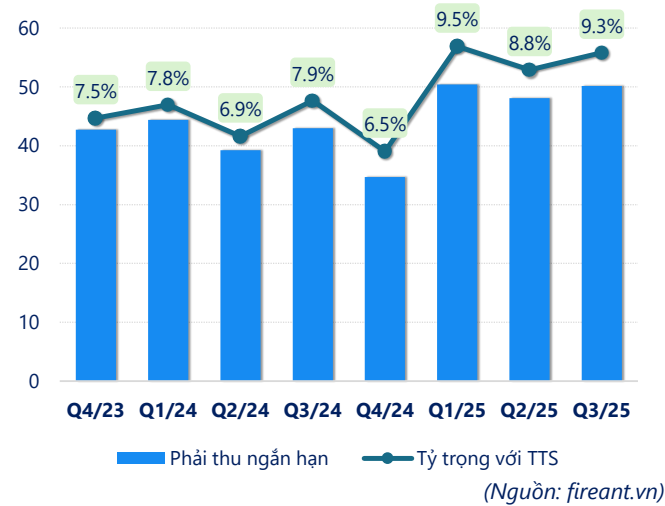
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

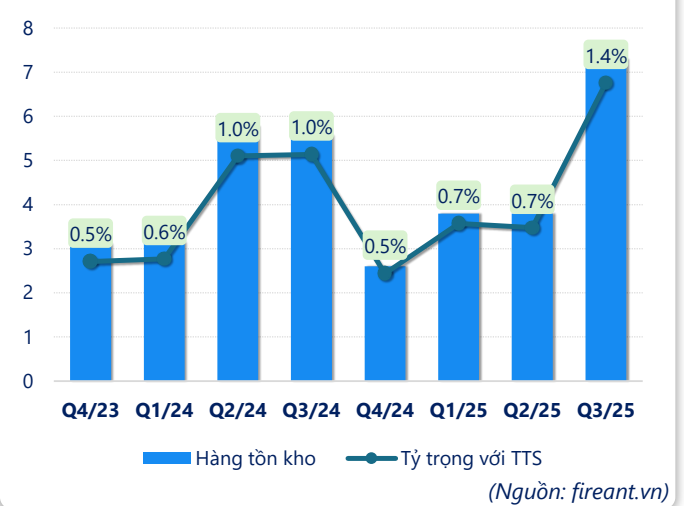


(Nguồn: fireant.vn)

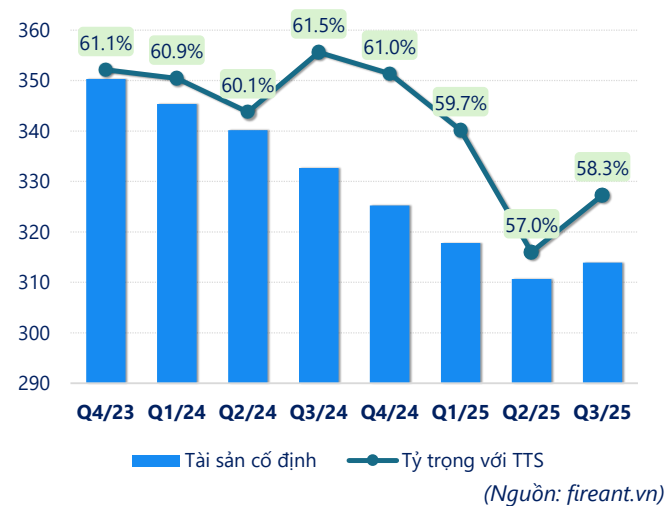
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


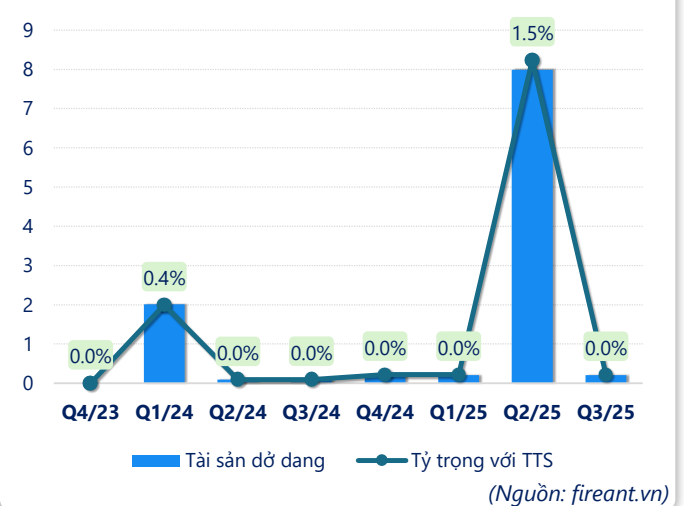
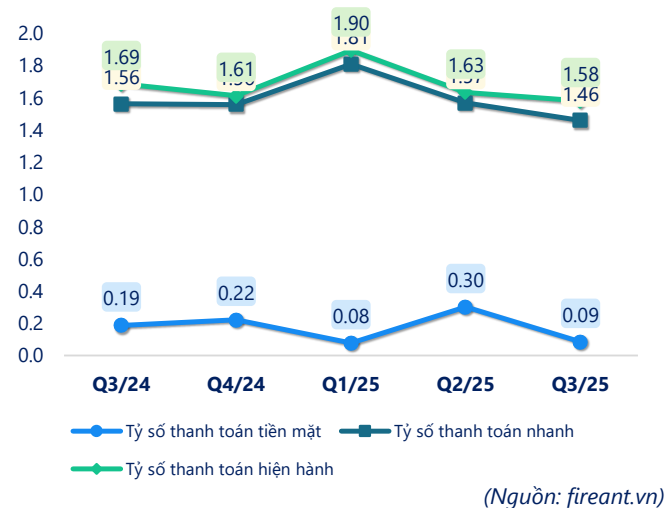
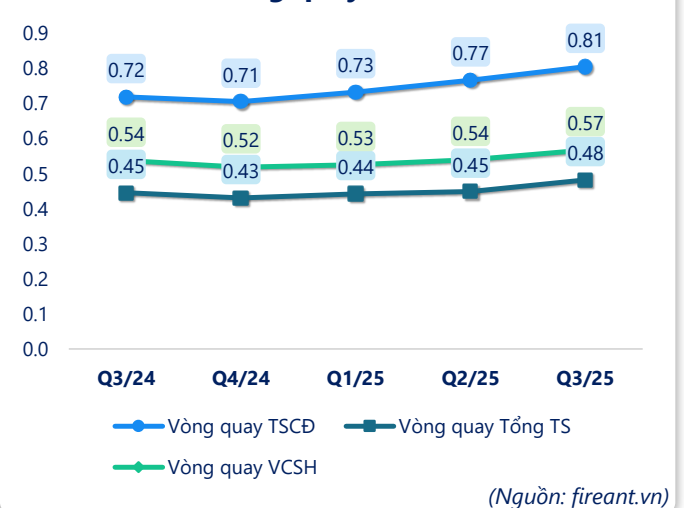
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	541	533	532	545	539
Tài sản ngắn hạn	76.5	74.8	84.1	95.4	94.8
Tiền và tương đương tiền	8.49	10.3	3.43	17.6	5.12
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.0	21.0	21.0	21.0	28.0
Phải thu ngắn hạn	43.0	34.7	50.4	48.1	50.1
Hàng tồn kho	5.56	2.60	3.80	3.79	7.29
Tài sản ngắn hạn khác	5.48	6.22	5.43	4.89	4.21
Tài sản dài hạn	464	458	448	450	444
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	333	325	318	311	314
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.09	0.21	0.21	7.99	0.21
Đầu tư tài chính dài hạn	14.3	14.2	13.7	13.3	13.0
Tài sản dài hạn khác	117	119	116	118	117
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	76.8	74.5	70.7	83.0	85.5
Nợ ngắn hạn	45.3	46.4	44.4	58.4	59.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.3	13.3	11.8	10.2	10.1
Phải trả người bán ngắn hạn	14.5	18.0	18.5	25.9	14.0
Nợ dài hạn	31.5	28.1	26.3	24.6	25.6
Vay và nợ thuê dài hạn	31.5	28.1	26.3	24.6	25.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	464	459	461	462	453
Vốn chủ sở hữu	464	459	461	462	453
Vốn điều lệ	400	400	400	400	400
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)